Phật giáo Theravāda ở Sri Lanka và góc nhìn so sánh với Việt Nam

ISSN: 2734-9195 12:36 27/06/2026

Việt Nam là một trường hợp đặc biệt khi cả hai truyền thống Theravāda và Mahāyāna cùng tồn tại, phát triển và có những đóng góp quan trọng đối với đời sống văn hóa, tinh thần của dân tộc.

Tác giả: **Vũ Trọng Hùng**

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Tăng đoàn **Phật giáo Theravāda** ở Sri Lanka có vai trò quan trọng trong việc định hình, bảo tồn và truyền bá truyền thống Theravāda qua các thời kỳ lịch sử. Trong đó phải kể đến một số nhân vật chủ chốt như Mahinda Thera, Buddhaghosa Thera, Walpola Rahula... và những đóng góp của họ vào việc củng cố giáo lý, tổ chức tu viện và sự thích ứng của Phật giáo với bối cảnh chính trị - xã hội các thời kỳ.

Bài viết được đặt trong mối liên hệ so sánh với Phật giáo Việt Nam để thấy rõ hơn những điểm tương đồng và khác biệt trong quá trình phát triển của Phật giáo ở hai nước trong bối cảnh có nhiều khác biệt.

Từ khóa: Tăng đoàn Phật giáo Theravāda, Sri Lanka, Việt Nam.

Sri Lanka, quốc đảo nằm ở khu vực Nam Á, từ lâu được biết đến là một trong những trung tâm bảo tồn và phát triển truyền thống Phật giáo Theravāda lâu đời và tiêu biểu nhất trên thế giới. Kể từ khi Phật giáo được truyền đến đảo quốc Ceylon dưới triều vua Devānāmpriya Tissa (307-267 TCN) thông qua sứ mệnh hoằng pháp của Trưởng lão Mahinda, Phật giáo đã nhanh chóng bén rễ và trở thành một trong những trung tâm quan trọng nhất của Tăng đoàn Phật giáo Theravāda ở Sri Lanka. Từ đó đến nay, trải qua hơn hai thiên niên kỷ, **Sri Lanka** không chỉ duy trì được sự liên tục của Tăng đoàn Phật giáo Theravāda mà còn khẳng định vị thế là trung tâm lưu giữ, bảo tồn và truyền bá Phật giáo Nam truyền cho nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Trong tiến trình phát triển ấy, các bậc cao tăng và học giả Phật giáo giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Họ không chỉ là những người kế thừa và truyền bá giáo pháp mà còn là những nhà tư tưởng, nhà cải cách và tổ chức Tăng đoàn có ảnh hưởng sâu rộng. Thông qua hoạt động trước tác, giáo dục, hoằng pháp và chấn hưng Phật giáo, các vị đã góp phần định hình diện mạo của Phật giáo Sri Lanka qua từng thời kỳ lịch sử, đồng thời thúc đẩy sự thích ứng của Phật giáo trước những biến đổi về chính trị, xã hội và văn hóa.

Vì thế, nghiên cứu về các bậc thầy tiêu biểu của Tăng đoàn Phật giáo Theravāda tại Sri Lanka và đặt trong mối liên hệ so sánh với Phật giáo Việt Nam để thấy rõ hơn những điểm tương đồng và khác biệt trong quá trình phát triển của Phật giáo ở hai nước, từ đó gợi mở những giá trị tham chiếu cho công cuộc hoằng pháp và phát triển Phật giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

I. Vai trò của Tăng đoàn Phật giáo Theravāda ở Sri Lanka

1. Mahinda Thera - đặt nền móng truyền bá Phật giáo, kiến trúc sư Tăng đoàn Theravāda Sri Lanka

Thượng tọa Mahinda Thera là nhân vật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển của Phật giáo Theravāda tại Sri Lanka. Vào thế kỷ III TCN, vua Ashoka (273-232 TCN) thuộc vương triều Maurya[1] đã cử một đoàn truyền giáo do Mahinda Thera và Sanghamitta[2], hai người con của vua Asoka[3] đã vượt biển sang Sri Lanka vào năm 250 TCN để truyền bá phật pháp.

Khoảng năm 250 TCN, đoàn truyền giáo vượt biển từ Ấn Độ đến Sri Lanka và được vua Devānampiya Tissa cùng triều đình đón tiếp nồng nhiệt. Cuộc gặp gỡ giữa Mahinda Thera và nhà vua tại núi Mihintale (nay là Mihintale) được xem là dấu mốc mở đầu cho quá trình du nhập chính thức của Phật giáo vào Sri Lanka. Với trí tuệ, đạo hạnh và khả năng thuyết pháp xuất sắc, Mahinda Thera đã cảm hóa nhà vua cùng đông đảo thần dân, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Phật giáo Theravāda trên đảo quốc này. Từ đây, Phật giáo không chỉ trở thành tôn giáo giữ vị trí trung tâm trong đời sống tinh thần của người Sri Lanka mà còn góp phần định hình bản sắc văn hóa và chính trị của quốc gia trong suốt hơn hai thiên niên kỷ tiếp theo.

Nếu Ashoka được xem là người bảo trợ cho sự truyền bá **Phật giáo** ra ngoài biên giới Ấn Độ, thì Mahinda Thera chính là người đặt nền móng cho sự hình

thành trung tâm Theravāda quan trọng nhất thế giới tại Sri Lanka. Những đóng góp của ngài không chỉ mang ý nghĩa truyền giáo mà còn mang tính kiến tạo một nền văn minh Phật giáo có sức ảnh hưởng sâu rộng đến Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Lào và nhiều quốc gia khác trong khu vực Nam Á và Đông Nam Á.

Khi gặp vua Devānāmpriya Tissa tại núi Missaka (nay là Mihintale), Mahinda Thera đã thuyết giảng bài kinh Cūlahatthipadopama Sutta (Tiểu Kinh Dấu Chân Voi, Trung Bộ Kinh số 27). Với phương pháp truyền giảng dựa trên lý trí, đối thoại và sự am hiểu căn cơ của người nghe, Mahinda Thera đã giúp nhà vua lĩnh hội những giáo lý căn bản của Phật giáo. Sau thời pháp đầu tiên này, vua Devānāmpriya Tissa và khoảng 40.000 người Sri Lanka quy y Phật giáo, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử tôn giáo của đảo quốc.

Việc Mahinda Thera lựa chọn thuyết giảng Cūlahatthipadopama Sutta ngay trong lần gặp đầu tiên cho thấy phương thức truyền bá Phật giáo không dựa trên quyền lực chính trị hay phép màu tôn giáo, mà dựa trên khả năng thuyết phục bằng lý trí và đạo đức. Đây cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng giúp Phật giáo nhanh chóng được tiếp nhận và bén rễ sâu sắc trong xã hội Sri Lanka.

Nhận thức được ý nghĩa của giáo pháp đối với đời sống quốc gia, vua Devānāmpriya Tissa đã cho xây dựng Tu viện Mahāvihāra tại kinh đô Anurādhapura và cung thỉnh Trưởng lão Mahinda cùng đoàn truyền giáo cư trú, hoằng pháp. Sự kiện thành lập Mahāvihāra không chỉ tạo cơ sở vật chất cho hoạt động của Tăng đoàn mà còn đặt nền móng cho việc hình thành trung tâm học thuật và tu học Phật giáo lớn nhất của Sri Lanka trong nhiều thế kỷ. Từ đây, Mahāvihāra trở thành cái nôi của Tăng đoàn Phật giáo Theravāda, nơi bảo tồn kinh điển Pāli, đào tạo tăng tài và có ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển của Phật giáo Nam truyền tại Nam Á và Đông Nam Á.

Đáp lại lời thỉnh cầu của vua Devānāmpriya Tissa, Mahinda Thera cùng Tăng đoàn đã đến kinh đô Anurādhapura và được triều đình trọng thể nghênh đón, cúng dường. Tại đây, Mahinda Thera tiếp tục triển khai công cuộc hoằng pháp bằng việc giảng dạy nhiều kinh điển quan trọng như Petavatthu (Chuyện Ngạ quỷ), Vimānavatthu (Chuyện Thiên cung) và các bài kinh thuộc Sacca-saṃyutta trong Tương Ưng Bộ Kinh. Trước nhu cầu tìm hiểu giáo lý ngày càng gia tăng của quần chúng, ngài còn thuyết giảng thêm các bài kinh nổi tiếng như Devadūta Sutta (Kinh Thiên sứ, Trung Bộ Kinh số 130) và Bālapaṇḍita Sutta (Kinh Người ngu và Người trí, Trung Bộ Kinh số 129). Nhờ đó, người dân nhận thức rõ hơn về quy luật nhân quả, nghiệp báo và con đường hướng đến đời sống

đạo đức, giải thoát.

Dưới sự hướng dẫn của Mahinda Thera và sự bảo trợ của nhà vua, tu viện Mahāvihāra là nơi quy tụ hàng nghìn Tăng sĩ và học giả lỗi lạc và nhanh chóng trở thành trung tâm hoằng pháp, giáo dục, đào tạo tăng tài quan trọng nhất của Sri Lanka. Theo ghi chép của Huyền Trang (Xuanzang), nhà sư Trung Hoa nổi tiếng thế kỷ VII, từng có khoảng 3.000 tăng sĩ cư trú tại Mahāvihāra trong thời kỳ hưng thịnh nhất. Quy mô ấy cho thấy đây không chỉ là một cơ sở tu học mà còn là một trung tâm học thuật lớn, nơi diễn ra hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và chú giải kinh điển. Chính môi trường học thuật phát triển tại Mahāvihāra đã tạo điều kiện thuận lợi cho công trình hệ thống hóa giáo lý và biên soạn các bộ chú giải Pāli của Buddhaghosa Thera sau này, góp phần định hình nền học thuật của Phật giáo Theravāda trong nhiều thế kỷ tiếp theo.

Một trong những đóng góp có ý nghĩa quan trọng là việc xác lập truyền thống Theravāda với kinh điển Pāli làm nền tảng. Ngôn ngữ Pāli được sử dụng rộng rãi trong tụng niệm, giảng dạy và lưu truyền giáo pháp, tạo nên sự thống nhất về học thuật và tín ngưỡng trong Tăng đoàn[4]. Chính việc bảo tồn và phát triển Tam tạng Pāli tại Sri Lanka đã góp phần quan trọng giúp quốc gia này trở thành trung tâm lưu giữ và truyền bá Phật giáo Theravāda cho nhiều nước Nam Á và Đông Nam Á trong các thế kỷ tiếp theo.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, Mahinda Thera là người đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển của Tăng đoàn Phật giáo Theravāda tại Sri Lanka. Thành công trong công cuộc hoằng pháp của ngài không chỉ xuất phát từ uy tín cá nhân và sự am hiểu giáo pháp mà còn từ việc lựa chọn một chiến lược truyền bá phù hợp với bối cảnh xã hội đương thời. Thay vì truyền giáo một cách tự phát trong dân gian, Mahinda Thera đã tiếp cận tầng lớp lãnh đạo chính trị trước, đặc biệt là vua Devānāmpriya Tissa, từ đó tạo dựng sự bảo trợ của vương quyền đối với Phật giáo và mở rộng ảnh hưởng của giáo pháp đến toàn xã hội. Đây là mô hình truyền bá Phật giáo mang tính thể chế hóa sớm, góp phần bảo đảm sự phát triển ổn định và lâu dài của Tăng đoàn trên đảo quốc Sri Lanka.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm).

Hành trình hoằng pháp của Mahinda Thera được thực hiện thông qua một số phương thức cốt lõi sau:

- Thuyết phục tầng lớp lãnh đạo: Ngài bắt đầu bằng việc thuyết pháp cho Quốc vương Devānāmpriya Tissa tại ngọn núi Mihintale. Nhờ trí tuệ sắc bén, ngài đã giúp nhà vua và hoàng gia quy y Tam bảo, từ đó nhận được sự bảo trợ mạnh mẽ để xây dựng các ngôi chùa.

- Thuyết giảng cho đại chúng: Sau khi vua cải đạo, ngài tiếp tục giảng dạy bình dân cho người dân bằng ngôn ngữ bản địa, giúp họ dễ dàng lãnh hội những lời dạy cốt lõi của đức Phật.

- Sử dụng trí tuệ làm phương tiện: Để kiểm tra năng lực tiếp thu của nhà vua, ngài đã dùng các câu hỏi suy luận (bài toán thử nghiệm trí tuệ) đầy logic và giành được sự khâm phục từ nhà vua.

- Thành lập Tăng đoàn và Ni đoàn: Mahinda Thera đã xin vua cha Ashoka cử em gái là Tôn giả Sanghamittā sang Sri Lanka để lập Ni đoàn, xuất gia cho hoàng hậu Anūla và nhiều phụ nữ. Điều này tạo nên nền tảng vững chắc cho giáo hội.

- Truyền bá toàn bộ Tam tạng kinh điển: Ngài đã mang toàn bộ hệ thống kinh điển (giáo lý) và luật tạng (giới luật) bằng tiếng Pali truyền lại cho người dân bản địa, từ đó biên soạn lại các chú giải kinh điển.

Gắn kết văn hóa và tâm linh: Mahinda Thera đã giúp người dân xây dựng các bảo tháp (thờ xá lợi) và mang theo một nhánh cây Bồ Đề linh thiêng từ Ấn

Độ sang trồng tại Anurādhapura, tạo biểu tượng thiêng liêng cho phật tử.

Thông qua sự kết hợp giữa trí tuệ uyên bác, sự khéo léo về văn hóa, đời sống giới đức thanh tịnh, Thượng tọa Mahinda Thera đã chuyển hóa quốc đảo này thành trung tâm Phật giáo lớn, đặc biệt thành công trong việc biến Phật giáo từ một tôn giáo ngoại nhập trở thành nền tảng tinh thần của xã hội Sri Lanka.

Vai trò của Mahinda Thera không chỉ giới hạn trong việc truyền bá giáo lý mà còn thể hiện rõ ở công cuộc xây dựng và tổ chức Tăng đoàn Phật giáo tại Sri Lanka. Nhận thức được tầm quan trọng của việc thiết lập đầy đủ các thành phần của cộng đồng Phật giáo, ngài đã đề nghị vua Devānāmpriya Tissa thỉnh mời Trưởng lão ni Sanghamittā Therī từ Ấn Độ sang Sri Lanka để truyền giới cho nữ giới.

Sự kiện hoàng hậu Anūlā cùng đông đảo nữ tín đồ được thọ giới đã đánh dấu sự ra đời của Ni đoàn đầu tiên tại Sri Lanka, hoàn thiện mô hình Tứ chúng đồng tu gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ. Đây là một bước tiến có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình thể chế hóa Phật giáo trên đảo quốc, bảo đảm sự phát triển toàn diện và bền vững của cộng đồng Phật giáo.

Bên cạnh việc xây dựng tổ chức Tăng đoàn, Mahinda Thera còn góp phần quan trọng trong việc hình thành hệ thống cơ sở vật chất và thiết chế tôn giáo của Phật giáo Sri Lanka. Dưới ảnh hưởng và sự hướng dẫn của ngài, vua Devānāmpriya Tissa đã cho xây dựng nhiều công trình Phật giáo trọng yếu như Đại Tự Mahāvihāra, tu viện Cetiyapabbatavihāra, tháp Thūpārāma và khu thánh tích cây Bồ đề tại Anurādhapura. Những công trình này không chỉ là trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng mà còn trở thành các thiết chế giáo dục, văn hóa và học thuật quan trọng của Phật giáo Theravāda.

Những đóng góp của Mahinda Thera đã vượt ra ngoài phạm vi của một nhà truyền giáo đơn thuần. Ngài là người đặt nền móng cho quá trình thể chế hóa Phật giáo tại Sri Lanka thông qua việc xây dựng Tăng đoàn, thiết lập Ni đoàn, hình thành các trung tâm tu học và tạo dựng mối quan hệ bền vững giữa Phật giáo với vương quyền. Điều này đã giúp Sri Lanka trở thành một trong những trung tâm bảo tồn và phát triển truyền thống Theravāda quan trọng nhất của thế giới trong suốt hơn hai thiên niên kỷ.

2. Buddhaghosa Thera - hệ thống hóa giáo lý vĩ đại của Tăng đoàn Phật giáo Theravāda ở Sri Lanka

Nếu Mahinda Thera được xem là người đặt nền móng cho sự du nhập và thể chế hóa Phật giáo tại Sri Lanka, thì Buddhaghosa Thera chính là người có công

chuẩn hóa và hệ thống hóa giáo lý của Tăng đoàn Phật giáo Theravāda.

Vào thế kỷ V, Buddhaghosa là một trong những học giả vĩ đại có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong lịch sử Phật giáo Theravāda ở Sri Lanka. Vì nhận thấy nhu cầu cấp thiết phải chuyển hóa các bản Chú giải cổ bằng tiếng Sinhala sang Pāli, Buddhaghosa Therađã được thầy Revata khuyên nên sang Sri Lanka. Tại Anurādhapura, trung tâm trí tuệ Phật giáo khi ấy, Buddhaghosa Thera bắt đầu công trình biên soạn và hệ thống hóa giáo lý có ảnh hưởng sâu rộng đến toàn bộ thế giới Theravāda.

Tác phẩm đầu tiên và quan trọng nhất của Buddhaghosa Thera là Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo Luận) và được xem như một bách khoa thư của Phật giáo Theravāda. Tác phẩm này không chỉ trình bày một cách hệ thống con đường tu tập từ giới, định đến tuệ mà còn tổng hợp những nội dung cốt lõi của Tam tạng Kinh điển và truyền thống chú giải Sri Lanka. Thành công của Visuddhimagga đã khẳng định năng lực học thuật xuất chúng của Buddhaghosa, tạo niềm tin để Tăng đoàn Mahāvihāra giao phó cho Buddhaghosa Thera nhiệm vụ chuyển dịch và biên soạn lại toàn bộ các bản chú giải Sinhala cổ sang tiếng Pāli.

Trên cơ sở kế thừa kho tàng tri thức được bảo tồn qua nhiều thế kỷ tại Sri Lanka, Buddhaghosa Thera đã biên soạn một hệ thống chú giải đồ sộ cho **Tam tạng Pāli**. Thông qua việc biên soạn các bộ chú giải kinh điển bằng tiếng Pāli, Buddhaghosa Thera không chỉ bảo tồn kho tàng tri thức Phật giáo được lưu giữ tại Sri Lanka mà còn tạo nên một hệ thống diễn giải giáo lý có ảnh hưởng sâu rộng đối với toàn bộ thế giới Theravāda trong suốt hơn một thiên niên kỷ sau đó.

Những đóng góp nổi bật của Buddhaghosa Thera có thể được khái quát trên ba phương diện cơ bản.

- Thứ nhất, Buddhaghosa Thera đã chuẩn hóa hệ thống chú giải kinh điển Pāli thông qua việc chuyển dịch, biên tập và hệ thống hóa các bản chú giải Sinhala cổ, qua đó bảo tồn và truyền bá một cách hiệu quả di sản học thuật của Phật giáo Sri Lanka.

- Thứ hai, Buddhaghosa Thera xây dựng nền tảng lý luận và phương pháp luận vững chắc cho Tăng đoàn Theravāda, đặc biệt thông qua tác phẩm Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo Luận), được xem là một trong những công trình tổng hợp giáo lý quan trọng nhất của Phật giáo Nam truyền.

- Thứ ba, các trước tác của Buddhaghosa Thera đã vượt ra ngoài phạm vi Sri Lanka, trở thành nền tảng học thuật có ảnh hưởng sâu rộng đối với sự phát triển của Phật giáo Theravāda tại Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia và nhiều quốc gia khác.

Có thể nhận thấy, mối quan hệ kế thừa và bổ sung giữa Mahinda Thera và Buddhaghosa Thera. Nếu Mahinda Thera là người khai mở con đường đưa Phật giáo bén rễ trên đảo quốc Sri Lanka, thì Buddhaghosa Thera là người hệ thống hóa, chuẩn hóa và củng cố nền tảng tư tưởng của truyền thống Theravāda. Chính sự kết hợp giữa công cuộc truyền bá của Mahinda Thera và thành tựu học thuật của Buddhaghosa Thera đã góp phần đưa Sri Lanka trở thành một trong những trung tâm Phật giáo Theravāda quan trọng nhất trong lịch sử nhân loại.

3. Walpola Rahula - tầm nhìn hiện đại, kết nối Đông - Tây

Bước sang thời kỳ hiện đại, cùng với quá trình giao lưu Đông - Tây và sự phát triển của nền học thuật quốc tế, Sri Lanka tiếp tục xuất hiện nhiều học giả và bậc thầy Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng. Trong số đó, Trưởng lão Walpola Rahula (1907-1997) được xem là một trong những gương mặt tiêu biểu nhất của Phật giáo Theravāda thế kỷ XX. Không chỉ là một vị tăng sĩ uyên bác, ngài còn là học giả, nhà giáo dục và nhà trước tác nổi tiếng, có những đóng góp quan trọng trong việc giới thiệu Phật giáo Theravāda đến với cộng đồng học thuật và công chúng quốc tế; đồng thời, là một trong những nhân vật đóng vai trò kết nối giữa truyền thống Phật giáo phương Đông và nền học thuật phương Tây hiện đại.

Thông qua các công trình nghiên cứu được biên soạn bằng tiếng Anh, ngài đã trình bày giáo lý Phật giáo dưới góc độ khoa học, lý tính và dễ tiếp cận đối với độc giả quốc tế. Cách tiếp cận này không chỉ góp phần khắc phục những nhận thức sai lệch về Phật giáo tồn tại trong giới nghiên cứu phương Tây trước đó mà còn khẳng định giá trị triết học, đạo đức và nhân văn của Phật giáo trong bối cảnh hiện đại.

Đặc biệt, tác phẩm mang tính bước ngoặt của Walpola Rahula là cuốn "*Đức Phật đã dạy những gì*" (What the Buddha Taught), đã trình bày sáng tỏ về những nguyên lý căn bản và cốt lõi của học thuyết Phật giáo vốn được tìm thấy trong các Bộ Kinh Nikaya thuộc Ba Rỗ Kinh (Tipitaka) bằng tiếng Pāli[5] (của Phật Giáo Nguyên Thủy) và trong bộ "*A Hàm*" (Agama) bằng tiếng Phạn[6] (của Phật Giáo Đại Thừa).Giới học thuật phương Tây đánh giá tác phẩm "*Đức Phật đã dạy những gì*" là tài liệu nhập môn kinh điển, cô đọng, rõ ràng và trung thực nhất về triết lý cốt lõi của Phật giáo (Bốn Diệu Đế, Bát Chính Đạo, Vô ngã và các

phương pháp Thiền trong cuộc sống…) dựa trên các văn bản, tài liệu cổ.

Đến nay, tác phẩm "*Đức Phật đã dạy những gì*" đã được lưu truyền, diễn dịch qua nhiều thế kỷ và nhiều vùng rộng lớn. Nhưng với cách trình bày, diễn đạt theo ngôn ngữ hiện đại, đầy tính nhân văn, hợp lý và rất khoa học trên cơ sở được củng cố vững chắc bởi rất nhiều bằng chứng chính thống của các kinh tạng nguyên thủy từ các tư liệu cổ. Đặc biệt, khi giảng giải về những trích dẫn, Walpola Rahula luôn tìm cách diễn dịch nghĩa từ và ý nghĩa một cách đơn giản, rõ ràng, chính xác theo hướng khoa học, nhân bản và thực tiễn, lược bỏ những yếu tố thần thoại, siêu nhiên để phù hợp với tư duy phương Tây.

Một số giảng giải có thể dẫn đến thảo luận thêm, đó là lúc mà ông muốn tìm ra lại từ trong kinh điển nguyên thủy Pāli tất cả những triết lý của Phật giáo Đại thừa. Sự am hiểu về nguồn kinh tạng Pāli và cách trình bày hiện đại, dễ hiểu của Walpola Rahula đã giúp Phật giáo được lan truyền hiệu quả hơn ở Sri Lanka và các nước trên thế giới. Do đó, có thể khẳng định, Walpola Rahula là người đi đầu trong trào lưu hiện đại hóa Phật giáo.

Bên cạnh đó, Walpola Rahula không phân biệt tông phái. Với sự thấu hiểu sâu sắc cả Phật giáo Nam truyền (Theravāda) và Bắc truyền (Mahayana), Walpola Rahula đã xóa bỏ rào cản giữa các truyền thống, nhấn mạnh vào sự cốt tủy của giác ngộ và từ bi. Đặc biệt, Walpola Rahula chủ trương xây dựng "*Phật giáo dấn thân*", kết nối Phật học với khoa học xã hội. Walpola Rahula tin rằng, các Tăng sĩ không nên chỉ tách mình khỏi xã hội để thiền định mà cần có trách nhiệm hướng dẫn ý thức xã hội và chính trị cho người dân. Điều này có nghĩa là "*đạo*" cần có mối liên hệ chặt chẽ với việc giải quyết những vấn đề của xã hội.

Với ý nghĩa đó, tác phẩm "*Đức Phật đã dạy những gì*" là một trong những quyển sách nói về Phật học bán chạy nhất ở các nước phương Tây, được dịch ra nhiều thứ tiếng và được tái bản nhiều lần kể từ khi nó được xuất bản đầu tiên vào năm 1958 tại London.

Do đó, cuốn sách đóng vai trò là "*cầu nối*", giải mã những triết lý vốn được coi là phức tạp trở nên dễ tiếp cận với giới trí thức phương Tây mà không làm mất đi tính nguyên bản của giáo lý. Điều này giúp Tăng đoàn Phật giáo Theravāda ở Sri Lanka mở rộng ảnh hưởng ra toàn cầu. Thông điệp trí tuệ và từ bi của đức Phật, được lan truyền từ Sri Lanka, vẫn đang âm thầm nuôi dưỡng hàng triệu con người trên khắp thế giới, gieo trồng hạt giống giác ngộ và an lạc giữa cuộc đời đầy biến động.

Thành tựu của Phật giáo Sri Lanka là kết quả của sự kế thừa liên tục giữa nhiều thế hệ cao tăng và học giả. Từ Mahinda Thera - người khai mở con đường truyền

bá Phật giáo, đến Buddhaghosa Thera - người kiến tạo nền tảng học thuật Theravāda và Walpola Rahula - người đưa Phật giáo Sri Lanka hội nhập với thế giới hiện đại. Những đóng góp của các ngài đã góp phần khẳng định Sri Lanka không chỉ là trung tâm bảo tồn truyền thống Phật giáo Theravāda mà còn là một trong những trung tâm sáng tạo, truyền bá tri thức Phật học ra thế giới.

Ngày nay, Sri Lanka vẫn được xem là một trong những trung tâm quan trọng nhất của Phật giáo Theravāda trên thế giới. Với khoảng 70% dân số theo Phật giáo, quốc đảo này đã duy trì được sự liên tục của truyền thống Theravāda qua hơn hai thiên niên kỷ lịch sử. Việc bảo tồn Tam tạng Pāli, hệ thống Kinh - Luật - Luận nguyên thủy cùng kho tàng chú giải và luận giải cổ điển đã tạo nên nền tảng học thuật và tâm linh vững chắc cho Phật giáo Sri Lanka. Đồng thời, các tu viện, học viện Phật giáo và cơ sở đào tạo tăng tài tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc gìn giữ, nghiên cứu và truyền bá giáo pháp.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm).

II. Liên hệ so sánh với Việt Nam

Qua nghiên cứu một số bậc thầy tiêu biểu của Tăng đoàn Phật giáo Theravāda tại Sri Lanka và đối chiếu với quá trình phát triển của Phật giáo Việt Nam, có thể rút ra một số nhận xét chủ yếu sau:

1. Phật giáo Sri Lanka và Việt Nam có nguồn gốc *"du nhập"*, lịch sử lâu đời

Phật giáo được truyền vào Sri Lanka từ thế kỷ III TCN thông qua hoạt động hoằng pháp của Mahinda Thera dưới sự bảo trợ của vua Devānāmpriya Tissa; trong khi đó, Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ những thế kỷ đầu Công nguyên thông qua các tuyến giao thương biển và đường bộ từ Ấn Độ và Trung Hoa. Mặc dù có sự khác biệt về thời gian, con đường truyền bá và bối cảnh lịch sử, song ở cả hai quốc gia, Phật giáo đều vượt qua giới hạn của một tôn giáo du nhập để trở thành một thành tố quan trọng cấu thành bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Phật giáo Sri Lanka và Phật giáo Việt Nam đều có tinh thần nhập thế và sự gắn bó với vận mệnh quốc gia, dân tộc

Điểm tương đồng nổi bật giữa Phật giáo Sri Lanka và Phật giáo Việt Nam là tinh thần nhập thế và sự gắn bó với vận mệnh quốc gia, dân tộc. Tại Sri Lanka, Phật giáo giữ vai trò quan trọng trong việc định hình bản sắc văn hóa và củng cố sự thống nhất của quốc gia qua nhiều thời kỳ lịch sử. Tại Việt Nam, Phật giáo luôn gắn liền với đời sống hang ngày của người dân và đồng hành cùng dân tộc trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Từ thời Lý - Trần cho đến thời kỳ hiện đại, nhiều tăng sĩ và tổ chức Phật giáo đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, giáo dục, từ thiện và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đây chính là cơ sở để Phật giáo tiếp tục phát huy vai trò của mình trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

3. Sự phát triển của Phật giáo Sri Lanka gắn liền với vai trò nổi bật của các cá nhân kiệt xuất, trong khi Phật giáo Việt Nam phát triển chủ yếu thông qua sự kế thừa của nhiều thế hệ cao tăng và sự dung hợp giữa các truyền thống tư tưởng khác nhau

Tại Sri Lanka, những nhân vật như Mahinda Thera, Buddhaghosa Thera và Walpola Rahula đã tạo ra những bước ngoặt mang tính lịch sử đối với sự phát triển của Phật giáo Theravāda. Mahinda Thera đặt nền móng cho sự du nhập và thể chế hóa Phật giáo; Buddhaghosa Thera chuẩn hóa và hệ thống hóa nền học thuật Theravāda; còn Walpola Rahula góp phần quốc tế hóa các giá trị Phật giáo trong thời đại hiện đại. Điều đó cho thấy lịch sử Phật giáo Sri Lanka gắn chặt với vai trò của những cá nhân có tầm ảnh hưởng đặc biệt đối với sự phát triển của Tăng đoàn và đời sống Phật giáo.

Trong khi đó, tại Việt Nam, quá trình phát triển của Phật giáo không gắn với một cá nhân mang tính biểu tượng nổi bật như Mahinda Thera mà là kết quả đóng góp của nhiều thế hệ tăng sĩ và học giả. Trong các thế kỷ I-III, Phật giáo được truyền thẳng từ Ấn Độ sang Luy Lâu (Bắc Ninh, Việt Nam) để giảng đạo và trở thành Trung tâm Phật giáo từ rất sớm.

Những người học Phật đầu tiên ở Việt Nam phải kể đến Mâu Tử (Thế kỷ II-III). Mâu Tử lần đầu tiếp cận với đạo Phật ở Luy Lâu (Bắc Ninh) và từ đó chuyên tâm nghiên cứu. Sau nhiều năm nghiên cứu, Mâu Tử đã viết tác phẩm "*Lý Hoặc Luận*", nhằm giải đáp những thắc mắc về Phật giáo, đồng thời dùng lý luận của mình để biện bác lại những người cho rằng ông từ bỏ đạo thánh hiền (Khổng giáo, Lão giáo) để theo một tôn giáo của "*man di*". "*Lý Hoặc Luận*" được coi là tác phẩm Phật giáo đầu tiên tại Việt Nam, góp phần giải thích và truyền bá giáo lý nhà Phật một cách rõ ràng.

Đến thế kỷ III, Khương Tăng Hội đã biên tập kinh sách, dịch kinh và truyền bá giáo lý và đã đưa Phật giáo phát triển mạnh mẽ. Sau đó, nhiều nhà sư Việt Nam như Khuy Xung, Huệ Diệm, Trí Hành, Đại Thặng Đăng, Khuông Việt (Ngô Chân Lưu), Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Trần Nhân Tông..., cũng tích cực truyền bá và phát triển tư tưởng Phật giáo ở Việt Nam. Đặc biệt, sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử dưới thời Trần Nhân Tông đã đánh dấu bước trưởng thành của Phật giáo Việt Nam trong quá trình xây dựng một dòng thiền mang bản sắc dân tộc.

Như vậy, ở Việt Nam, đạo Phật vẫn giữ nguyên được nền tảng gốc rễ nhưng phát triển theo hướng thực hành và dung hợp, gắn Phật giáo với đời sống xã hội với sự tồn tại đa dạng các trường phái (Đại thừa, Thiền, Tịnh độ). Đây cũng là xu hướng mà Phật giáo Việt Nam gắn liền "*đạo*" với "*đời*", phụng sự quốc gia, dân tộc và sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm).

4. Sri Lanka và Việt Nam đại diện cho hai mô hình phát triển Phật giáo khác nhau nhưng đều đạt được những thành tựu nổi bật

Sri Lanka phát triển theo hướng bảo tồn và duy trì tính chính thống của truyền thống Theravāda, lấy Tam tạng Pāli và hệ thống chú giải làm nền tảng học thuật. Ngược lại, Phật giáo Việt Nam phát triển theo xu hướng dung hợp và thích ứng, tiếp thu đồng thời các yếu tố của Phật giáo Đại thừa, Thiền tông, Tịnh độ tông cùng những giá trị của Nho giáo và Đạo giáo. Chính sự đa dạng này đã tạo nên một diện mạo Phật giáo Việt Nam vừa gắn bó với đời sống xã hội vừa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, mặc dù phát triển trong những điều kiện lịch sử, văn hóa và xã hội khác nhau, Phật giáo Sri Lanka và Phật giáo Việt Nam đều cho thấy khả năng thích ứng mạnh mẽ trước những biến đổi của thời đại. Sự thành công của Phật giáo ở cả hai quốc gia không chỉ xuất phát từ giá trị nội tại của giáo lý mà còn từ vai trò của các bậc cao tăng, học giả và khả năng dung hòa giữa truyền thống với những yêu cầu của thực tiễn lịch sử.

Qua nghiên cứu một số bậc thầy tiêu biểu của **Tăng đoàn** Phật giáo Theravāda tại Sri Lanka như Mahinda Thera, Buddhaghosa Thera và Walpola Rahula, có thể thấy rằng sự phát triển của Phật giáo không chỉ là kết quả của quá trình kế thừa giáo lý mà còn gắn liền với vai trò của những cá nhân xuất chúng trong từng

giai đoạn lịch sử. Nếu Mahinda Thera đặt nền móng cho sự du nhập và thể chế hóa Phật giáo tại Sri Lanka, Buddhaghosa Thera góp phần chuẩn hóa và hệ thống hóa nền học thuật Theravāda, thì Walpola Rahula đã đưa các giá trị của Phật giáo Sri Lanka hội nhập vào không gian học thuật và văn hóa toàn cầu. Những đóng góp của các vị không chỉ tác động đến Sri Lanka mà còn ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển của Phật giáo Theravāda trên phạm vi quốc tế.

Hiện nay, trên thế giới có nhiều tông phái Phật giáo, song về cơ bản có thể quy về hai hệ thống lớn là Theravāda và Mahāyāna. Trong đó, Phật giáo Theravāda phát triển mạnh tại Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Lào và Campuchia; còn Phật giáo Mahāyāna phổ biến tại Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và một số quốc gia Đông Á khác. Riêng Việt Nam là một trường hợp đặc biệt khi cả hai truyền thống Theravāda và Mahāyāna cùng tồn tại, phát triển và có những đóng góp quan trọng đối với đời sống văn hóa, tinh thần của dân tộc.

Mặc dù có sự khác biệt về hình thức tổ chức, phương thức tu tập và hệ thống kinh điển được chú trọng, song các truyền thống Phật giáo đều lấy giáo lý của đức Phật làm nền tảng, hướng đến mục tiêu giác ngộ, giải thoát và xây dựng một xã hội hòa bình, nhân văn và phát triển bền vững. Việc tiếp tục nghiên cứu, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm giữa các truyền thống Phật giáo không chỉ góp phần làm phong phú tri thức Phật học mà còn mở ra những cơ hội mới cho việc phát huy các giá trị của Phật giáo trong sự nghiệp xây dựng xã hội hòa bình, phát triển và hạnh phúc trong thế kỷ XXI.

Chú thích:

[1] Will Durant (người dịch: Nguyễn Hiến Lê), Lịch sử văn minh Ấn Độ, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2006, tr.118-124.

[2] Người sau đó đóng vai trò quan trọng trong việc truyền giới cho nữ giới và thiết lập Ni đoàn tại Sri Lanka.

[3] H. Perera: Buddhism in Srilanka: A short history, Budddhist Publication Society Kandy, Sri Lanka, 1988, http://www. buddhanet.net/pdf_file/bud-srilanka.pdf

[4] Đến cuối thế kỷ thứ I trước Tây lịch, Phật giáo Theravāda lại bị phân ra thành hai phái: Mahāvihāra (Đại tự viện) và Abhayagiri (Vô úy sơn). Và vào thế kỷ thứ IV TL, Từ bộ phái Vô úy sơn phân ra thêm một bộ phái. Người sáng lập của phái này ở tu viện Jetavana (Kỳ viên), nên phái này cũng gọi là phái Kỳ viên (Jetavana). Phái Vô úy sơn, sau này, trong quan điểm của những người theo Đại

thừa tại Ấn Độ, được xem là trung tâm hoằng pháp của Đại thừa tại Sri Lanka. Phái Kỳ viên ảnh hưởng tư tưởng Đại thừa và thừa nhận kinh điển Đại thừa.

[5] Gồm 5 bộ kinh Nikaya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ, DN), Bộ Kinh Trung (Trung Kinh Bộ, MN), Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ, AN), Bộ Kinh Liên-Kết (Tương Ưng Kinh Bộ, SN), và Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ, Khn).

[6] Gồm 4 bộ là: Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, và Tạp A Hàm.

Tài liệu tham khảo

1. Buddhaghosa, Bhadantācariya. Visuddhimagga: The Path of Purifi ation. Bhikkhu Ñānamoli dịch. Colombo: Samayawardana Printers, 2010.

2. Endo, Toshiichi. Buddha in Theravāda Buddhism: A Study of the Concept of Buddha in the Pali Commentaries. Dehiwela: Buddhist Cultural Centre, 2002.

3. Gombrich, Richard. Theravāda Buddhism: A Social History from Ancient Benares to Modern Colombo. London: Routledge, 2006.

4. Perera: Buddhism in Srilanka: A short history, Budddhist Publication Society Kandy, Sri Lanka, 1988, http://www. buddhanet.net/pdf_file/bud-srilanka.pdf

5. Ñānamoli, Bhikkhu & Bhikkhu Bodhi. The Middle Length Discourses of the Buddha. Kandy: Buddhist Publication Society, 1995.

6. Perera, H. R. Buddhism in Sri Lanka: A Short History. Kandy: Buddhist Publication Society, 1988.

7. Rahula, Walpola: History of Buddhism in Ceylon. Colombo: M. D. Gunasena.

8. Sanjoy Barua Chowdhury: Sri Lankan Buddhism’s Rich Heritage of Pāli Commentaries and Theravāda Traditions

9. Walpola Rahula: What the Buddha taught. New York: Grove Press, 1974.

10. Will Durant (người dịch: Nguyễn Hiến Lê), Lịch sử văn minh Ấn Độ, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2006.

11. Hoà thượng, Tiến sĩ Thích Thanh Điện (Tổng chủ biên): 40 năm chặng đường lịch sử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2021), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

12. Nguyễn Thu Trang: Tiếp biến Phật giáo tại Việt Nam: Từ góc nhìn so sánh với Phật giáo Sri Lanka và Trung Quốc, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á,

Hà Nội, 2022.

Tác giả: **Vũ Trọng Hùng**

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh